TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2024/HS-PT
Ngày: 07/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 550/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn N về tội *"Giết người"*. Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: Trần Văn N; giới tính: Nam; sinh ngày 12/12/1976, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Văn B, sinh năm 1940 và bà Trần Thị L, sinh năm 1954, hiện cư trú tại thôn E, xã E, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, hiện cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007 (cháu nhỏ là người khuyết tật đặc biệt nặng); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2023 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Võ Văn H1 – Luật sư, Văn phòng L1; địa chỉ: K L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bị hại: Ông Bùi Hồng Q, sinh năm 1977; trú tại: thôn T, xã E, huyện K (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại (vợ của bị hại) có kháng cáo: Bà Phan Thị M, sinh năm 1978; trú tại: thôn T, xã E, huyện K, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà* Phan Thị M: Ông Lê Thanh K, ông Đào Hoàng P - Luật sư, Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: G Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Đức D và anh Bùi Đức Đ (là con trai của bị hại Bùi Hồng Q), anh D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Chiều tối ngày 10/4/2023, tại nhà bà Thái Thị H2, sinh năm 1981, tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mổ thịt heo chia phần và uống rượu với nhau. Sau khi đã uống rượu say, giữa Trần Văn Đ1, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã E, huyện K và Bùi Hồng Q, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã E, huyện K thách thức thi nhau múa võ xem ai giỏi hơn, trong lúc múa võ, vật lộn giữa Đ1 và Q có dùng tay đánh trúng vào tay chân của nhau. Khoảng 15 phút sau khi thi nhau múa võ, Đ1 và Q đi vào lại trong nhà và tiếp tục uống rượu và nói chuyện vui vẻ với nhau. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đã uống rượu say, thì mọi người ra về, trong lúc Đ1 leo lên xe mô tô, giơ mũ bảo hiểm lên để đội thì mũ bảo hiểm va trúng người Q nên Q bực tức lao vào giật mũ bảo hiểm đánh trúng 01 phát vào vùng trán của Đ1 thì được mọi người can ngăn.

Lúc này, Trần Văn N, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã E là anh ruột của Đ1 cũng từ trong nhà bà H2 đi ra và tiến tới can ngăn thì bị Q dùng mũ bảo hiểm đánh trúng 01 cái vào vai của N (không gây thương tích gì), bực tức Nam giơ tay phải đấm 01 cái vào miệng của Q gây chảy máu, thì giữa Q và N xảy ra cãi nhau thì được chị Nguyễn Thị H (vợ của N) can ngăn và đẩy N đi ra cuối vườn nhà bà H2 để đi về, còn Q vẫn đứng chửi, thách thức *"tao giết cả họ, cả nhà thằng* N*"*. Bực tức vì bị Q thách thức, chửi bới, N liền xô vợ con ra rồi chạy ra khu vực chuồng bò nhà bà H2 (cách vị trí xô xát khoảng 30m) nhặt lấy 01 khúc cây cà phê dài hơn 01 mét, đường kính 4-5cm, rồi N chạy về phía cổng nhà bà H2. Trong lúc này, Đ1, Q và mọi người đang đứng nói chuyện với nhau và chuẩn bị ra về thì N chạy từ phía sau đến, hai tay giơ khúc cây cà phê lên cao đánh mạnh 01 phát theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu của Q làm Q té sấp, phần trán của Q đập mạnh xuống nền sân xi măng rồi bất tỉnh. N cầm theo khúc cây cà phê chạy ngược về phía vườn nhà bà H2 rồi vứt đi và về nhà trốn. Còn Bùi Hồng Q được Đ1 và những người xung quanh đưa đi cấp cứu nhưng đến ngày 11/4/2023 thì tử vong.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi tiến hành khám nghiệm là sân nhà bà Thái Thị H2, trước nhà có bóng điện đủ sáng để khám nghiệm hiện trường, thuộc thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hướng Bắc giáp rẫy nhà ông Hồ Anh T; hướng Nam

giáp vườn nhà ông Nguyễn Văn Q1; Hướng Đông giáp rẫy nhà ông Hồ Văn B1; hướng Tây giáp đường bê tông thôn T, xã E.

Lấy sân nhà bà H2 làm trung tâm có kích thước (1850x1500)cm, nền sân láng bê tông, bờ rào xây gạch và lưới B40. Góc sân hướng T là cổng chính, rộng 390cm, trụ cổng xây tường gạch, cánh cổng bằng sắt, sơn xanh. Tại góc sân hướng Đ là lối ra sau vườn, tiếp giáp với sân về hướng Đông Bắc là nhà bà H2 có kích thước (1350x1200x800)cm, nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, cửa chính bằng gỗ hướng T. Tiếp giáp với tường rào hướng T là bể nước và bếp củi.

Tại vị trí trên sân, cách mặt trước tường nhà hướng Tây Nam 510cm phát hiện một số chất dịch rơi nhỏ giọt đã khô màu nâu đỏ, kích thước (46x5)cm, ký hiệu là (1), tâm (1) cách mép trong tường rào hướng Đông Nam là 540cm. Cách (1) về hướng T 120cm phát hiện một số chất dịch màu nâu đỏ đã khô, dạng nhỏ giọt, rơi trên mặt sân, kích thước (72x55)cm, ký hiệu là (2), tâm (2) cách mép ngoài bậc thềm tam cấp hướng Đông Bắc là 550cm. Cách (2) về hướng T 400cm phát hiện một số chất dịch màu sẫm không rõ hình dạng, rơi trên mặt sân, kích thước (28x9)cm, ký hiệu (3), tâm (3) cách mép trong tường rào hướng Tây Nam là 700cm. Cách (3) về hướng T 410cm, phát hiện một đôi dép da hiệu BQ, màu đen trên mặt sân, ký hiệu là (4), hai chiếc dép để cách nhau 50cm, dép phải cách mép trong bờ rào hướng Tây Nam là 440cm, dép phải cách mép trong bờ rào hướng Tây Nam là 480cm. Cách (4) về hướng T 255cm, phát hiện trên sân có một vùng chất màu nâu đỏ đã cô đặc, không rõ hình dạng, kích thước (79x67), ký hiệu (5). T1 vết (5) về hướng T 16cm phát hiện 01 viên bê tông có kích thước (4x3x0,5)cm, có bề mặt không bằng phẳng, dính chất màu nâu đỏ đã khô. Viên bê tông lồi lên so với mặt sân bê tông 0,5cm. Xung quanh vị trí viên bê tông mặt sân không bằng phẳng. Cách tâm (5) về hướng Đ 80cm phát hiện nhiều mảnh vỏ cây cà phê đã khô không xác định được hình dạng, kích thước (90x50)cm.

T1 (5) cách trụ cổng mép ngoài góc hướng T là 210cm, cách mép trong bờ rào hướng Tây Nam là 480cm (trụ cổng bên phải). Cách (5) về hướng T là 90cm phát hiện một vùng chất dịch màu nâu đỏ đã cô đặc trên sân có kích thước (50x30)cm, không rõ hình dạng, ký hiệu (6), tâm (6) cách góc ngoài trụ cổng phải hướng T là 170cm, cách mép trong tường rào hướng Tây Nam là 400cm.

Cách (1) về hướng Đông Nam 430cm phát hiện trên sân có một số chất dịch màu nâu đỏ đã khô rơi nhỏ giọt, kích thước (61x38)cm, ký hiệu là (7), tâm (7) cách mép trong bờ rào hướng Đông Bắc 300cm, cách mép trong bờ rào hướng Đông Nam 180cm. Cách tâm (7) về hướng Đông Nam 2560cm, tại bãi cỏ, cạnh hố cà phê vườn nhà bà H2 phát hiện 01 cây cà phê dài 126cm, đường kính đầu to là 07cm, đường kính đầu nhỏ là 4cm, ký hiệu (8), cây cà phê đã khô *(BL 39-42).*

Kết quả khám nghiệm tử thi:

Các dấu vết tổn thương trên cơ thể:

+ Vùng mặt, cổ: Đồng tử phải giãn 4mm, đồng tử trái giãn 5mm; bầm tím, trầy xước in hằn trên da trán trái, kích thước (4x3)cm, xung quanh có nhiều vết in hằn da rải rác, trong diện (9x8)cm; trên cung mày trái 2cm, cách đường giữa trán 4cm, bầm tím mi trên mắt trái; trầy xước chéo gò má phải, kích thước

(3x0,2)cm, cách dưới đuôi mắt phải 4cm. Trầy xước môi trên bên trái, đường kính 0,2cm; bầm tím, trầy xước môi dưới và niêm mạc trong bên trái, kích thước (4x1,5)cm; bầm tím trầy xước vùng lợi trên bên trái, kích thước (1,5x1,5)cm; trầy xước cánh mũi phải, kích thước (0,2x0,1); vết bầm tím vùng giữa đỉnh, trong diện (6,5x5,5)cm, bên trên có vết thương dập rách da hơi chéo đã khâu, hướng từ phải sang trái, dài 4cm, đã khâu bằng chỉ đen. Trầy xước, bầm tím sau tai phải, kích thước (5x4)cm; bầm tím, trầy xước xung quanh và sau tai trái, kích thước (6x8)cm.

+ Vùng ngực, lưng: Trầy xước rải rác hố xương đòn và trên 1/3 ngoài xương đòn trái, kích thước (6x1)cm; bầm tím ngực phải (trên núm vú phải 2,5)cm), kích thước (4x4)cm; bầm tím bên ngoài núm vú trái, kích thước (7x6)cm; vùng sát cổ phải phía sau trầy xước, bầm tím, kích thước (6x0,3)cm; trầy xước, bầm tím in hằn da sau mõm vai trái, kích thước (6,5x6)cm.

+Tứ chi: Bầm tím 1/3 giữa trước ngoài cánh tay phải, kích thước (2x2)cm; bầm tím dọc 1/3 giữa sau căng tay phải, kích thước (7x2)cm; bầm tím mặt mu khớp ngón bàn tay phải, kích thước (3x2)cm; bầm tím trầy xước rải rác 1/3 dưới ngoài cánh tay trái đến mặt ngoài khuỷu tay trái, kích thước (8x4)cm; trầy xước 1/3 trên, trong cánh tay trái, kích thước (5x0,3)cm; trầy xước 1/3 trên trước cánh tay trái, kích thước (5x3)cm; bầm tím trầy xước nằm ngang 1/3 dưới trong cánh tay trái, kích thước (4x0,5)cm.

Mổ tử thi:

+ Vùng ngực: Rạch da vùng ngực phải (dưới vết bầm tím) thấy bầm tụ máu dưới da nông (không tới lớp mỡ và cơ); không gãy xương sườn. Chọc dò khoang ngực không có máu.

+ Vùng đầu: Tụ máu lan toả khắp da cơ vùng đầu, từ vùng trán đến vùng chẩm và từ thái dương phải đến thái dương trái, kích thước (30x20)cm, bên trái nhiều hơn bên phải. Kiểm tra thấy xương sọ vỡ thành 02 vùng nối liền nhau.

+ Vùng trán thái dương trái: Vỡ thành nhiều đường lún xương sọ vùng thái dương trán trái vào trong, trong diện (9x5)cm.

+ Vùng đỉnh trái (giáp vùng chẩm): Vỡ thành nhiều đường trong diện (10x5)cn, có mảnh sọ bị bung lên, kích thước (4x3)cm (bên trái cao, bên phải thấp, độ cập kênh 0,4cm). Sát đường khớp giữa, tổ chức não phù nhiều, đáy màng cứng phồng lên, màng cứng vùng đỉnh trái rách chéo một đường (6,6x2)cm (tương ứng với mảnh sọ bị bung lên), não dập và phù thoát ra khỏi vùng rách. Tụ máu ngoài màng cứng vùng thái dương, kích thước (12x5x0,5) cm, mở màng cứng thấy não phù. Tụ máu nhiều dưới màng cứng vùng trán thái dương đỉnh trái, kích thước (15x14x0,5)cm. Tụ máu dưới màng cứng ít ở vùng đỉnh phải, kích thước (3x2x0,5)cm. Xuất huyết dưới nhện toàn bộ 02 bán cầu (bên trái nhiều hơn bên phải). Dập não thuỳ đỉnh chẩm trái, kích thước (9x3x1)cm, xuất huyết trong não thất. Tụ máu trong các rãnh và khe não. Đường nứt vỡ ở nền sọ trước kích thước (4x2). Đường nứt ở nền sọ giữa, kích thước (4x2,5)cm *(BL 50-53).*

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 32/KLGĐTT-PY ngày 10/5/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đ kết luận: Nguyên nhân tử vong của Bùi Hồng Q là: Suy hô hấp, suy tuần hoàn do chấn thương sọ não nặng (vỡ vòm sọ, nền sọ; tụ máu ngoài và dưới màng cứng; xuất huyết dưới nhện 02 bán cầu; xuất huyết các não thất; dập não, phù não…) Nhiều thương tích phần mềm khác *(BL 65-67).*

Tại bản Kết luận giám định số 517/KL-KTHS ngày 05/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Trên khúc cây cà phê *(được thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường)* và các que tăm bông *(mẫu máu thu tại hiện trường)* gửi giám định có máu người và trùng với nhóm máu của Bùi Hồng Q.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định*:**

Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội "Giết người".

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2023, bị cáo Trần Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/9/2023, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Ngày 16/12/2023, các anh Bùi Đức D, anh Bùi Đức Đ là con trai của bị hại ông Bùi Hồng Q có đơn đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, lý do bỏ sót người tham gia tố tụng.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung, sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Quyết định về hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Võ Văn H1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo thống nhất theo luận cứ bào chữa và đề nghị của Luật sư Võ Văn H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện hợp pháp của bị hại cho rằng Bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật không đúng, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Sau khi tranh luận Kiểm sát viên, luật sư và những nhười bảo vệ giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng. Xem xét kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại và đề nghị của các anh Bùi Đức D, anh Bùi Đức Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo như đơn đề nghị của của các anh Bùi Đức D, anh Bùi Đức Đ, kháng cáo của bà Phan Thị M và đề nghị của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, qua kết quả kiểm tra tại phiên tòa phúc thẩm, cho thấy, anh D và anh Đ là con trai của bị hại Bùi Hồng Q, nhưng quá trình điều tra Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều không đưa anh D và anh Đ vào tham gia tố tụng là thiếu sót, chưa đúng quy định tại Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự, bà M, anh D và anh Định đề n hủy Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên xét thấy, trong vụ án đã xác định bà Phan Thị M là vợ của bị hại, làm người đại diện hợp pháp cho bị hại, các yêu cầu của bà M đã được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét theo đúng quy định của pháp luật, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần đã được Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường ở mức tối đa, đề nghị của các anh Bùi Đức D và anh Bùi Đức Đ trùng hợp với kháng cáo của bà M. Vì vậy, vi phạm nói trên không gây thiệt hại và ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh D và anh Đ, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm yêu cầu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk rút kinh nghiệm trong hoạt động tố tụng.

[1.2]. Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại là hợp lệ, trong thời hạn luật định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét tính chất hành vi và hậu quả phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/4/2023, tại sân nhà bà Thái Thị H2 tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xuất phát từ mâu thuẫn trong quá trình uống rượu giữa Trần Văn Đ1 với Bùi Hồng Q, sau đó, Q và Đ1 đánh nhau, thấy vậy, bị cáo Trần Văn N can ngăn nhưng đã bị Bùi Hồng Q dùng mũ bảo hiểm đánh vào vai bị cáo, bị cáo N dùng tay đấm lại vào miệng Q, mặc dù được mọi người can ngăn, nhưng Q vẫn đứng chửi bới và dùng lời lẽ khiêu khích đe dọa giết cả nhà Trần Văn N nên bị cáo Trần Văn N đã dùng 01 cây gỗ cà phê, dài 126cm, đường kính đầu to là 07 cm, đầu nhỏ là 04 cm, dùng hai tay đánh mạnh 01 cái từ trên xuống trúng vào

đầu của anh Bùi Hồng Q làm anh Q té ngã sấp xuống nền sân xi măng, gây chấn thương sọ não dẫn đến tử vong. Với tính chất hành vi và hậu quả phạm tội nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 11 (Mười một) năm tù tội *"Giết người"*. Về trách nhiệm dân sự đã áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền còn lại là 354.800.000đ *(Ba trăm năm mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng)*.

[2.2] Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn N Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như Bản án sơ thẩm đã nhận định, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cho thấy, giữa bị cáo Trần Văn N với bị hại anh Bùi Hồng Q không có mâu thuẫn gì trước đó, vào ngày 10/4/2023, sau khi hai bên đã có sử dụng bia rượu thì đã phát sinh mâu thuẫn, qua diễn biến vụ án cho thấy lúc đầu là giữa bị hại Bùi Hồng Q với anh Trần Văn Đ1 có sự xích mích, nguyên nhân do lúc Đ1 leo lên xe mô tô, giơ mũ bảo hiểm lên để đội thì mũ va trúng người Q, Q giật mũ bảo hiểm đánh lại vào trán của Đ1, hai bên cãi vã nhau, mọi người và bị cáo N thấy thế ra can ngăn, nhưng Q đã dùng mũ bảo hiểm đánh vào vai của N, N đấm lại vào miệng của Q, tuy đã được mọi người can ngăn nhưng Q lại tiếp tục chửi bới và có lời lẽ đe dọa N, N đã lấy một khúc gỗ (cây cà phê) chạy đến đánh mạnh vào đầu của bị hại Q, làm Q ngã xuống nền nhà cứng gây chấn thương sọ não dẫn đến hậu quả anh Q tử vong, với quá trình, điều kiện và nguyên nhân xảy ra vụ án như trên tại Bản án sơ thẩm đã xác định người bị hại Bùi Hồng Q cũng có phần lỗi nên đã áp dụng khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Trần Văn N tội *"Giết người"* là có căn cứ pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trần Văn N mức hình phạt 11 năm tù là tương xứng, tại phiên tòa phúc thẩm tuy bị cáo có tác động gia đình nộp thêm 20.000.000 đồng bồi thường và nộp án phí sơ thẩm nhưng với tính chất, hậu quả của vụ án và mức án đã tuyên là phù hợp do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt của bị cáo.

[3]. Xem xét kháng cáo của bà Phan Thị M đại diện hợp pháp của bị hại, xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà M kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và giải quyết phần trách nhiệm dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà M thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1]. Về áp dụng pháp luật hình sự: Trong quá trình xảy ra vụ án cũng như xem xét nguyên nhân, điều kiện, yếu tố lỗi của bị cáo, bị hại đã xác định anh Bùi Hồng Q có một phần lỗi như đã phân tích nêu trên, nên tại Bản án sơ thẩm đã xác định người bị hại Bùi Hồng Q cũng có phần lỗi, góp phần xảy ra vụ án, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo bị cáo Trần Văn N tội *"Giết người"* là đúng pháp luật. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm, tuy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại

phiên tòa phúc thẩm bị cáo N cũng đã nộp thêm tiền bồi thường là tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N mức hình phạt 11 năm tù sát với mức khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

[3.2]. Về áp dụng pháp luật dân sự xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án hình sự căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự trên cơ sở yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại, tại đơn yêu cầu bồi thường ngày 13/6/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể: bà Phan Thị M yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản sau: Tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại (7-18 tuổi), tổng số tiền là 425.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 180.000.000đ *(tương ứng 100 tháng lương cơ sở)* và tiền thu nhập thực tế bị mất của người bị hại: 4.500.000.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các hóa đơn, chứng từ có trong hồ sơ vụ án, áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015 quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Trần Văn N như sau: Tiền viện phí 2.700.000đ; chi phí mai táng 36.500.000đ; tiền thuê xe chở nạn nhân đi và về 2.000.000đ; tiền trợ cấp nuôi con của bị hại tới tuổi trưởng thành, mỗi tháng 2.000.000đ (11 năm) 264.000.000đ (do không có sự thỏa thuận nên buộc trợ cấp hàng tháng); tiền bồi thường về tổn thất tinh thần (100 tháng lương cơ sở) 180.000.000đ. Tổng cộng buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại là 485.200.000đ, gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 130.400.000đ, tiếp tục buộc bồi thường cho gia đình bị hại số tiền còn lại là 354.800.000đ. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng và giải quyết phần bồi thường thiệt hại đúng quy định của pháp luật, việc bà M yêu cầu tiền bồi thường thu nhập thực tế bị mất của người bị hại số tiền 4.500.000.000đ là không có hóa đơn chứng từ cũng như căn cứ pháp luật để xem xét.

[3.3]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện và áp dụng đúng các quy định của pháp luật, việc vi phạm tố tụng trong vụ án như Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định tại mục [1.1], không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M cũng như anh D và anh Đ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm của bà Phan Thị M.

[4]. Đối với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, bà Phan Thị M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn N và kháng cáo yêu cầu hủy Bản án hình sự sơ thẩm của bà Phan Thị M

đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Văn N và Quyết định về trách nhiệm dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N **11 (Mười một)** năm tù về tội "*Giết người*". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 11/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền còn lại là 354.800.000đ (Ba trăm năm mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Đối với số tiền 20.000.00đ (Hai mươi triệu đồng) nộp theo biên lai số 0000789 ngày 03/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk được trừ lại trong quá trình thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng, tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bà Phan Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk (03);
- Công an tỉnh Đăk Lăk (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Trại tạm giam tỉnh Đăk Lăk (02);
- Bị cáo (TTG giao cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Ea Tóh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi